

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100 /2019/HS-ST
Ngày 29 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đăng Hải – Bí thư Đoàn Thanh niên thành phố Phúc Yên

Bà Phan Thị Nhung- Giáo viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2019/TLST - HS ngày 18 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Triệu Thị Nsinh ngày 20/2/2002; tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh ; nghề nghiệp: Học sinh lớp 12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Triệu Đ và con bà Nguyễn Thị M; cH, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2019, hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt.

Người người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông Triệu Đức H, sinh năm 1971, có mặt

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh .

Người bào chữa của bị cáo: Bà Phan Thị Kim L, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố V, tỉnh V, bà Liên xin vắng mặt và gửi Bản bào chữa cho Hội đồng xét xử.

Đại diện Đoàn thanh niên của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện L, nơi bị cáo Đang theo học, vắng mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978, có mặt.

Bà Lê Thị T, sinh năm 1975, vắng mặt;

Đều ở địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh V

Người bào chữa của bị hại: Bà Trần Thị N, Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố V, tỉnh V, có mặt.

Người làm chứng:

Chị Hoàng Thị Việt C, sinh ngày 06/8/2002, vắng mặt.

Người giám hộ của chị C là ông: Hoàng Văn Khải, vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1967, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7 năm 2019, Triệu Thị N có thuê trọ ở cùng phòng với chị Nguyễn Thị H và chị Hoàng Thị Việt C, tại khu phòng trọ của ông Nguyễn Văn Ích ở tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh V. Ngày 15 tháng 8 năm 2019, N đi về nhà tại xã Đ, huyện L, V để có việc. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16 tháng 8 năm 2019, Triệu Thị N đi từ nhà mình lên phòng trọ, khi đến nơi N thấy cửa phòng đóng nhưng không khóa, nên N mở cửa đi vào phòng và ngồi lên giường nghỉ. Lúc này N thấy trong phòng không có ai, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N quan sát, tìm kiếm xung quanh phòng thấy có 01 ba lô màu đen của chị Nguyễn Thị H treo trên tường nhà, N dùng tay lấy ba lô xuống để trên giường và kéo khóa ngăn to nhất của chiếc ba lô phát hiện trong ba lô có 01 phong bì bên ngoài ghi họ, tên chị H, N kiểm tra bên trong phong bì có số tiền 5.000.000 đồng (bao gồm 10 tờ tiền polime, mệnh giá mỗi tờ là 500.000đ). N lấy số tiền trên và cất vào hai bên áo ngực đang mặc; rồi cho phong bì không vào ba lô và treo ba lô vào chỗ cũ. Sau khi trộm cắp được tiền, N đi ra cổng khu trọ đợi chị H và chị C đi làm về. Khoảng 19 giờ cùng ngày chị H và chị C đi làm về, cả ba người cùng đi về phòng trọ. Khi mở phòng trọ chị H và chị C thấy đồ đạc lộn xộn nên đã kiểm tra, chị C không mất tài sản gì, chị H phát hiện mất số tiền 5.000.000đ để trong ba lô treo trên tường phòng trọ nên đã trình báo sự việc đến Công an thành phố Phúc Yên. Tại Cơ quan điều tra Triệu Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: Triệu Thị N tự nguyện số tiền 5000.000đ trộm cắp của chị H, gồm 10 tờ tiền polime mệnh giá mỗi tờ 500.000đ. Ngày 20/8/2019 cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền trên, chị H đã nhận lại tiền,

không có đề nghị bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 99/CT - VKSPY ngày 18 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố Triệu Thị N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Triệu Thị N; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử : Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Triệu Thị N từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách gấp đôi; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị N Bản bào chữa cho Hội đồng xét xử trình bày: Bị cáo N là người chưa thành niên, lúc phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 05 tháng 27 ngày, hiện bị cáo còn đang học lớp 12. Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và bị cáo đã tự nguyện bồi thường trả cho người bị hại số tiền đã trộm cắp 5.000.000đ. Nay người bị hại và đại diện hợp pháp cho người bị hại không yêu cầu phải bồi thường gì và xin giảm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự ; nên đề nghị Hội đồng cho bị cáo được sự khoan H của pháp luật, cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất để bị cáo được tiếp tục học tập và có cơ hội sửa chữa những sai lầm.

Trợ giúp viên pháp lý cho bị hại Nguyễn Thị H trình bày: Bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản đối với chị Nguyễn Thị H là người khuyết tật nặng đang được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước. Nhưng xét thấy bị cáo là người chưa thành niên và hiện bị cáo còn đang theo học lớp 12. Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền đã trộm cắp 5.000.000đ. Nay người bị hại và đại diện hợp pháp cho người bị hại không yêu cầu phải bồi thường gì và xin giảm hình phạt cho bị cáo. Nên đề nghị Hội xét xử cho bị cáo nhận được sự khoan H của pháp luật, cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo được tiếp tục học tập và sửa chữa những sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố

Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Triệu Thị Nở khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án, sơ đồ hiện trường; Kết luận giám định, Bản ảnh giám định, Bản ảnh hiện trường, Bản ảnh bị cáo diễn tả lại hành vi phạm tội và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh V, Triệu Thị Nở có hành vi lén lút trộm cắp của chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; trong vụ án này người bị hại chị Nguyễn Thị H là người khuyết tật nặng đang được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo hiện đang học lớp 12, tại thời điểm phạm tội xét xử bị cáo là người chưa thành niên. Người bị hại chị Nguyễn Thị H là người khuyết tật nặng, nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền trộm cắp cho người bị hại và người bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định bị cáo lại là người chưa thành niên đang theo học tại lớp 12. Nên cần cho bị cáo nhận được sự khoan hồng của pháp luật, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người chưa thành niên, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 20/8/2019 cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đồng. Nay chị H và người đại diện hợp pháp của chị không có đề nghị bồi thường gì khác và xin giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Triệu Thị Nphải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Triệu Thị Nphạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Triệu Thị N07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Thị Ncho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vgiám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự năm 2010. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Triệu Thị Nphải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có mặt, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại có mặt, luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại có quyền kháng cáo Bản án. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo vắng mặt, luật sư bào chữa cho bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V
- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án thành phố Phúc Yên;
- UBND xã Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy